

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 369/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Lệ Thu.

2/ Ông Nguyễn Đoàn Đăng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị B, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện B, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Hữu N, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ A đường A, khu dân cư M, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị B và ông Vũ Hữu N có đăng ký kết hôn năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bà hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai không quan tâm, ít chia sẻ và tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không giải quyết được đã gây ảnh hưởng tinh thần của cả hai. Nay bà B nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân thêm được nữa vì vợ chồng không còn

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên bà B yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn vắng mặt nhưng có văn bản trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà B có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 14/4/2022. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn và hòa giải. Hiện nay hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà B.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng dân sự:

[2] Bà B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông B; Địa chỉ: Căn hộ A đường A, khu dân cư M, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về pháp luật nội dung:

[5] Xét yêu cầu của bà B về việc yêu cầu được ly hôn với ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông N là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà B thì trong thời gian chung sống vợ chồng bà hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai không quan tâm, ít chia sẻ,

không còn tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không giải quyết được đã gây ảnh hưởng tinh thần của cả hai. Vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên bà B yêu cầu ly hôn với ông N.

[8] Theo ông N trình bày thì trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn và hòa giải. Hiện nay hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà B.

[9] Như vậy, bà B và ông N không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa bà B và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về con chung: Bà B và ông N xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B được ly hôn với ông N.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Về con chung: Bà B và ông N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba

trăm nghìn) đồng do bà B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015644 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà B và ông N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương